

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 08 - 5 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại TAND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Đinh Văn S; địa chỉ: đường L, Tổ M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Tô Thị N; sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị H1; địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 của ông Hoàng Văn T có nội dung: Bà Tô Thị N và vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị H1 mua phân bón của ông T và còn nợ 160.000.000 đồng. Ngày 07/11/2016 bà N, anh H, chị H1 trả

40.000.000 đồng, số nợ còn lại 120.000.000 đồng thỏa thuận bà N, anh H, chị H1 trả trong hai năm, mỗi năm trả 60.000.000 đồng và không tính lãi. Sau đó bà N và chị H1 viết giấy nhận nợ và ký nhận ngày 07/11/2016. Do đòi nhiều lần không được nên ông T khởi kiện yêu cầu bà N và vợ chồng chị H1, anh H liên đới trả cho ông T khoản nợ 120.000.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán mức 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến 23/7/2018 là 6.300.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là một văn bản viết tay có tiêu đề “Giấy Nhận Nợ” ghi ngày 07/11/2016, có chữ ký, ghi họ tên “Tô Thị N” và “Nông Thị H1”.

Quá trình tố tụng, ông Đinh Văn S đại diện cho ông T xác định việc ông T yêu cầu bà N và vợ chồng chị H1, anh H liên đới trả nợ không phải do các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ dân sự, mà do bà N đã ký giấy nhận nợ thì bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: Ông không mua gà của vợ chồng anh H, chị H1. Số nợ tính đến ngày 07/11/2016 là 160.000.000 đồng và toàn bộ là nợ gốc. Giấy nhận nợ ngày 07/11/2016 là do ông viết sau khi ông và chị H1 đối chiếu nợ, sau đó được bà N cùng chị H1 ký xác nhận nhưng khi mua bán thì anh H là người trực tiếp thỏa thuận với ông. Mặc dù bà N không phải là người mua tài sản của ông, nhưng do bà N đã ký giấy nhận nợ ngày 07/11/2016, nên ông yêu cầu bà N và vợ chồng chị H1, anh H liên đới trả cho ông 120.000.000 đồng cùng tiền lãi do chậm thanh toán mức 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử là 13.500.000 đồng.

Bị đơn bà Tô Thị N trình bày:

Do con trai của bà là anh H nợ tiền mua cám nuôi gà và phân bón của ông T. Ngày 07/11/2016 bà tự nguyện trả thay cho anh H 40.000.000đ. Sau khi nhận tiền, ông T viết giấy có nội dung anh H nợ ông T 160.000.000đ, bà trả cho ông T 40.000.000đ, số nợ còn lại 120.000.000đ hẹn trả trong hai năm mỗi năm 60.000.000 đồng và yêu cầu bà cùng chị H1 ký vào giấy này. Mặc dù không rõ anh H còn nợ bao nhiêu tiền, nhưng do bà đã trả cho ông T 40.000.000đ nên bà và chị H1 đã ký vào giấy nêu trên. Nay bà không chấp nhận việc ông T yêu cầu bà có trách nhiệm liên đới cùng vợ chồng anh H, chị H1 trả nợ. Việc trả cho ông T khoản nợ còn lại là trách nhiệm của vợ chồng anh H, chị H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị H1 trình bày:

Trong năm 2015 và năm 2016, chồng chị là anh H có mua của ông T phân bón và cám gà để nuôi gà, do gà bị bệnh chết hết nên chưa trả được tiền cho ông T. Vì vậy, mẹ chồng chị là bà Tô Thị N có trả nợ thay số tiền 40.000.000đ vào ngày 07/11/2016. Chị H1 công nhận chị và bà N có ký “Giấy nhận nợ” ghi ngày 07/11/2016 là đúng. Tuy nhiên sau khi ký giấy thì anh H mới nói cho chị biết tổng số tiền còn nợ ông T chỉ có 90.000.000đ. Do bà N đã trả thay cho vợ chồng chị

40.000.000 đồng và anh H có bán cho ông T mấy sọt gà nhưng ông T chưa trả tiền. Nên chị chỉ đồng ý trả cho ông T số nợ còn lại 50.000.000đ nhưng yêu cầu trừ vào số tiền gà mà anh H đã bán cho ông T, tuy nhiên chị H1 không xác định được số tiền bán gà là bao nhiêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà N. Buộc anh H, chị H1 trả cho ông T toàn bộ khoản nợ 120.000.000 đồng và 13.500.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện nguyên đơn ông Đinh Văn S vắng mặt nhưng nguyên đơn ông Hoàng Văn T có mặt. Bị đơn bà Tô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2] Chứng cứ là văn bản “Giấy nhận nợ” do nguyên đơn giao nộp có nội dung: *“Hôm nay ngày 7/11/2016. Tôi tên là Tô Thị N, là mẹ của cháu Trần Mạnh H có nợ của đại lý Hoàng T số tiền phân là 160.000.000. Nay tôi trả cho cháu là 40.000.000. Số nợ còn lại là 120.000.000 hẹn trả trong 2 năm mỗi năm là 60.000.000. Số tiền còn lại không tính lãi. Nếu tới sang năm không trả tôi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tiền trên phải trả lãi là 3%.”* Bên dưới có chữ ký, ghi họ tên là Tô Thị N và Nông Thị H1 được bà N và chị H1 thừa nhận là chữ ký của mình. Quá trình tố tụng, các đương sự đều có lời khai xác định bà N không phải là người mua tài sản của ông T. Qua đó cho thấy quan hệ mua bán tài sản được xác lập giữa bên bán là ông T với bên mua là vợ chồng anh H, chị H1. Việc bà N trả cho ông T 40.000.000 đồng vào ngày 07/11/2016 là trả nợ thay cho vợ chồng anh H, chị H1. Quá trình tố tụng các đương sự đều xác định khi ông T viết và chị H1, bà N ký giấy nhận nợ ngày 07/11/2016 không có mặt người có nghĩa vụ là anh H, nên không có việc ông T, vợ chồng anh H, chị H1 và bà N đã cùng thỏa thuận về việc bà N phải trả nợ thay cho vợ chồng anh H, chị H1. Do đó, người có nghĩa vụ trả số nợ còn lại là vợ chồng anh H, chị H1. Việc ông T yêu cầu bà N liên đới trả nợ là không có căn cứ pháp luật.

[3] Theo giấy nhận nợ ngày 07/11/2016 nêu trên, số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng đã được chị H1 ký xác nhận. Việc chị H1 cho rằng tổng số nợ chỉ có 90.000.000đ, bà N đã trả thay 40.000.000 đồng nên còn nợ 50.000.000đ

nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Việc chị H1 yêu cầu trừ số tiền gà anh H đã bán cho ông T vào nợ còn lại nhưng chị H1 không làm đơn khởi kiện, không xác định được số tiền bán gà là bao nhiêu nên không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, cần áp dụng Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc vợ chồng anh H, chị H1 phải trả cho ông T số nợ 120.000.000 đồng cùng tiền lãi mức 0,75%/tháng tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử là 13.500.000 đồng. Bác yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà N.

[5] Về án phí: Vợ chồng anh H, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán là $(120.000.000 \text{ đồng} + 13.500.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 6.675.000 \text{ đồng}$. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T. Buộc vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị H1 trả cho ông Hoàng Văn T số tiền còn nợ 120.000.000 đồng và 13.500.000 đồng tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn T đối với bà Tô Thị N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị H1 phải chịu 6.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 3.157.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0009179 ngày 22/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hòa trả cho ông Hoàng Văn T 2.857.500 đồng tạm ứng án phí còn lại.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương

sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi H1nh án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Văn Sỹ